

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST

Ngày: 19-9-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Minh

2. Bà Vũ Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ông Nguyễn Văn Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST – DS ngày 04/3/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 12/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 28/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP B Đ L V**

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109, Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** – Tổng giám đốc Ngân Hàng TMCP B Đ L V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Minh V** – Giám đốc Ngân Hàng TMCP B Đ L V chi nhánh tỉnh Bình Phước.

Ông Trương Minh Vũ ủy quyền lại cho bà **Lê Thị Bích N** – Chuyên viên Ngân Hàng TMCP B Đ L V chi nhánh tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Vũ Quang H**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T H, xã T P, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Thị Bích N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP B Đ L V trình bày:

Ngày 13/6/2017, Ngân Hàng TMCP B Đ L V - Chi nhánh tỉnh Bình Phước và ông Vũ Quang H ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0609061704530. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho ông H vay tiêu dùng (Vay tín chấp) số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) với mức lãi suất trong hạn là 15%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm. Thời hạn cho vay 60 tháng, tính từ ngày 13/6/2017 đến hết 13/6/2022. Ông H phải trả dần tiền gốc cho Ngân hàng và được chia thành 60 phân kỳ trả gốc, mỗi phân kỳ 01 tháng với số tiền gốc phải trả là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), và tiền lãi phát sinh. Số tiền gốc ông H trả hàng tháng được trừ vào tiền gốc vay. Quá trình vay, ông H đã trả tiền gốc cho Ngân hàng được đến tháng 4/2018 với tổng số tiền gốc đã trả là 24.500.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), sau đó ông H không tiếp tục trả tiền gốc định kỳ hàng tháng cho ngân hàng. Tính đến nay (Ngày 19/9/2019), ông H còn nợ 125.500.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền gốc vay và tiền lãi phát sinh.

Nay Ngân Hàng TMCP B Đ L V khởi kiện yêu cầu ông Vũ Quang H phải trả cho Ngân Hàng TMCP B Đ L V 125.500.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền gốc vay và tiền lãi đến khi giải quyết xong vụ án, tính đến ngày hôm nay là ngày 19/9/2019 gồm: Lãi trong hạn 32.508.828 đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm linh tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng*), lãi quá hạn 2.420.604 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm linh bốn đồng*). Ngân hàng xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông H phải trả tiền lãi phạt gốc với số tiền 2.298.128 đồng (*Hai triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi tám đồng*).

** Bị đơn Ông Vũ Quang H vắng mặt không có lý do*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông H không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Vũ Quang H không chấp hành đúng quy định và vắng mặt không lý do.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 90 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đình chỉ giải quyết phần khởi kiện của nguyên đơn về việc ông H phải trả 2.298.128 đồng (*Hai triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi tám đồng*) tiền lãi phạt gốc; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt. Buộc ông Vũ Quang H phải trả cho nguyên đơn 125.500.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền gốc vay, 32.508.828 đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm linh tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng*) tiền lãi trong hạn, 2.420.604 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm linh bốn đồng*) tiền lãi quá hạn.

Về án phí và chi phí giám định: Buộc bị đơn ông Vũ Quang H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Giữa Ngân TMCP B Đ L V (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Vũ Quang H (Sau đây gọi tắt là ông H) có quan hệ cho vay và vay tiền thông qua hợp đồng tín dụng. Ngân hàng cho rằng ông H đã vi phạm hợp đồng nên khởi kiện yêu cầu ông H trả tiền gốc và tiền lãi suất. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời, bị đơn ông H cư trú tại Tổ 5, ấp T H, xã T P, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

Tại phiên tòa, bị đơn ông H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông H đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông H phải trả 2.298.128 đồng (*Hai triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi tám đồng*) tiền lãi phạt gốc nhận thấy: Việc nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết phần khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông H phải trả 2.298.128 đồng (*Hai triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi tám đồng*) tiền lãi phạt gốc.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông H trả tiền gốc vay và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn nhận thấy: Kèm theo đơn khởi kiện, Ngân hàng nộp tài liệu chứng cứ là Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0609061704530 ngày 13/6/2017 được ký kết giữa Ngân hàng với ông H có nội dung thể hiện: Ngày 13/6/2017, Ngân Hàng TMCP B Đ L V - Chi nhánh tỉnh Bình Phước cho ông Vũ Quang H vay tiêu dùng (Vay tín chấp) số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) với mức lãi suất trong hạn là 15%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm. Thời hạn cho vay 60 tháng, tính từ ngày 13/6/2017 đến hết 13/6/2022. Hàng tháng, ông H phải trả dần tiền gốc và được chia thành 60 phân kỳ trả gốc, mỗi phân kỳ 01 tháng với số tiền gốc phải trả là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và tiền lãi phát sinh.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông H vắng mặt nên không làm việc được với ông H về khoản vay trên. Tòa án đã trưng cầu Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành Phố Hồ Chí Minh giám định chữ ký và chữ viết tên Vũ Quang H trên Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0609061704530 ngày 13/6/2017 (Được ký hiệu là A) với mẫu so sánh là chữ ký và chữ viết tên Vũ Quang H

trên Bản nhận xét đánh giá xếp loại Giáo viên năm học 2013 – 2014 lập ngày 19/5/2014; Phiếu Giáo viên tự đánh giá lập ngày 19/5/2014; Phiếu đánh giá phân loại viên chức năm học 2016 – 2017 lập ngày 30/5/2017; Phiếu giáo viên tự đánh giá lập ngày 24/5/2017; 01 phiếu khám sức khỏe ngày 03/5/2013 (được ký hiệu từ M1 đến M5). Tại kết luận số 3077/C09B ngày 26/7/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành Phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Chữ ký và chữ viết tên Vũ Quang H trên Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0609061704530 ngày 13/6/2017 (Được ký hiệu là A) so với chữ ký, chữ viết tên Vũ Quang H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do một người viết ra*”. Như vậy, có đủ cơ sở khách quan kết luận vào ngày 13/6/2019 ông H có ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0609061704530 với Ngân hàng TMCP B Đ L V để vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với mức lãi suất, thời hạn cho vay và tiền gốc hàng tháng phải trả theo như trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng.

Theo tài liệu chứng cứ là Thông báo công nợ đến ngày 19/9/2019 do Ngân hàng giao nộp thể hiện: Quá trình vay, ông H đã trả tiền gốc cho Ngân hàng được đến tháng 4/2018 với tổng số tiền gốc đã trả là 24.500.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tính đến nay (ngày 19/9/2019), ông H còn nợ 125.500.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc vay và 32.508.828 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm linh tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng) lãi trong hạn, 2.420.604 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm linh bốn đồng) lãi quá hạn.

Căn cứ Điều 8, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn “*Hợp đồng tín dụng xác lập từ ngày 01/01/2017 lãi suất gồm lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi trên nợ gốc quá hạn*”. Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0609061704530 ngày 16/3/2017 giữa Ngân hàng và ông H thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 15%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tại khoản 6.3 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0609061704530 ngày 16/3/2017 giữa Ngân hàng và ông H thỏa thuận “*Nếu bên vay không trả đúng hạn (gốc và/hoặc lãi) và không được Ngân hàng đồng ý điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ thì ngân hàng có quyền thực hiện việc chuyển nợ quá hạn theo quy định của ngân hàng và tiến hành thu lãi theo quy định của hợp đồng...*”

Do đó, việc Ngân hàng xác định tính đến ngày 19/9/2019 ông H nợ 32.508.828 đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm linh tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng*) lãi trong hạn và 2.420.604 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm linh bốn đồng*) lãi quá hạn là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận của hai bên.

Tại điểm f khoản 7.1 và khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0609061704530 ngày 16/3/2017 giữa Ngân hàng và ông H thỏa thuận “*Ngân hàng được quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ vốn vay của bên vay khi bên vay không trả một phần hoặc toàn bộ gốc, lãi vay theo các thỏa thuận tại hợp đồng*” “*Khi Ngân hàng chấm dứt việc cho vay và thu hồi trước hạn, ngân hàng gửi thông báo cho bên vay*”. Từ tháng 5/2018 cho đến nay, ông H không tiếp tục trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng là đã vi phạm hợp đồng. Ngày 19/9/2018 và ngày 26/9/2018 Ngân hàng đã ra thông báo nợ quá hạn và yêu cầu ông H phải trả toàn bộ tiền gốc còn lại và tiền lãi cho Ngân hàng, hai thông báo trên đã được gửi cho ông H vào ngày 21/9/2018 và ngày 03/10/2018 nhưng đến nay ông H không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H phải trả trước hạn toàn bộ số tiền 125.500.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) gốc vay còn lại và 32.508.828 đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm linh tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng*) lãi trong hạn, 2.420.604 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm linh bốn đồng*) lãi quá hạn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về Chi phí giám định*: Căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, kết quả giám định chứng minh yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên ông H phải hoàn trả cho Ngân hàng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí giám định theo phiếu thu số 505 ngày 19/9/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 90 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Đình chỉ giải quyết phần khởi kiện của Ngân Hàng TMCP B Đ L V về việc yêu cầu ông Vũ Quang H phải trả 2.298.128 đồng (*Hai triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm hai mươi tám đồng*) tiền lãi phạt gốc.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP B Đ L V về việc yêu cầu ông Vũ Quang H phải trả tiền gốc và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn.

Buộc ông Vũ Quang H phải trả cho Ngân Hàng TMCP B Đ L V 125.500.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền gốc vay, 32.508.828 đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm linh tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng*) tiền lãi trong hạn, 2.420.604 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm linh bốn đồng đồng*) tiền lãi quá hạn. Tổng cộng là 159.929.432 là (*Một trăm năm mươi chín triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, (từ ngày 20/9/2019) Ông Vũ Quang H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán của hợp đồng, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên có nghĩa vụ thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/ *Xử lý án phí và chi phí giám định:* Bị đơn ông Vũ Quang H phải chịu 7.996.471 đồng (*Bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân Hàng TMCP B Đ L V 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí giám định.

Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP B Đ L V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long trả lại Ngân Hàng TMCP B Đ L V 3.612.319 đồng (*Ba triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm mười chín đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004414 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Đức